

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN HỢP ĐỒNG GIỮA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ NHÀ THẦU (QUYẾT TOÁN A - B)

1. Tên dự án: Nạo vét tuyến kênh từ gốc đa Miếu Bà đến cống Bà Xoàng, thôn Phong Cầu 2, xã Kiến Minh
2. Tên gói thầu: Gói thầu số 04: Thi công xây lắp
3. Hợp đồng (gồm cả hợp đồng điều chỉnh, bổ sung, phụ lục hợp đồng (nếu có)): Hợp đồng số 14.03/2026/HĐTCXD ngày 14 tháng 03 năm 2026
4. Chủ đầu tư/Ban quản lý dự án: Phòng Kinh tế xã Kiến Minh
5. Nhà thầu: Công ty TNHH xây dựng Định Sơn
6. Căn cứ xác định: Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành ngày 11 tháng 05 năm 2026

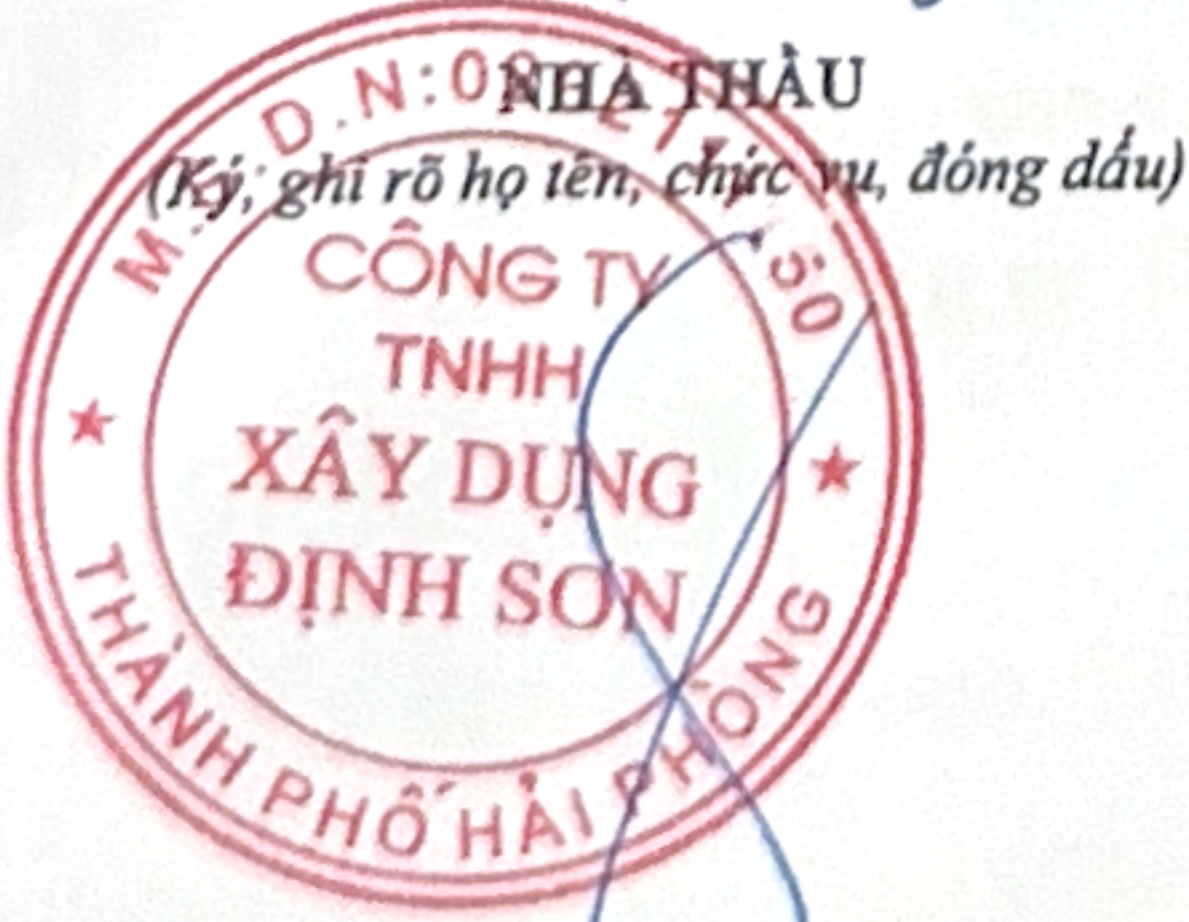
STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng hoàn thành		Đơn giá theo HD/PLHD (đồng)	Giá trị đề nghị quyết toán (đồng)	Ghi chú
			Theo HD/PLHD	Quyết toán			
1	2	3	4	5	6	7=5*6	8
A	THEO HỢP ĐỒNG(HĐ)/ PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG (PLHD)						
1	Trong HĐ ban đầu (bao gồm cả khối lượng tăng, giảm các công việc trong HĐ ban đầu)						
1	Đào kênh mương, chiều rộng <= 6m, máy đào 0,8m3, đất cấp I	100m3	25,3818	25,3818	2.310.240	58.638.057	
2	Đắp bờ kênh mương bằng thủ công, dung trọng <= 1,45 T/m3	m3	191,26	191,26	180.148	34.455.153	
3	Đắp bờ bằng máy đào có dung tích gầu 0,8m3, 1 máy đào - độ chặt yêu cầu K=0,85	100m3	17,213	17,213	2.854.799	49.139.662	
4	Dọn mặt bằng thi công	100m2	102,6	102,6	300.247	30.805.350	
5	Pông tông (phao thép) phục vụ thi công	ca	13	13	252.109	3.277.423	
6	Ô tô gắn cần trục 16T vận chuyển phao thép đến, về và giữa các cầu, cống	ca	4	4	3.116.550	12.466.202	
7	Rơ mooc vận chuyển phao thép đến, về và giữa các tuyến kênh	ca	2	2	209.162	418.325	
8	Nhân công lắp ghép phao thép để thi công, tháo dỡ phao thép khi hoàn thành	công	20	20	316.050	6.320.991	
9	Tôn chống lầy (KH 10%)	kg	2261	2261	2.410	5.448.634	
10	Nhân công hỗ trợ lắp ghép tấm chống lầy	công	7	7	316.050	2.212.347	
11	Ô tô đầu kéo + rơ mooc vận chuyển máy đào đi và về	ca	2	2	1.380.198	2.760.396	
12	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5 tấn trong phạm vi <= 1000m, đất cấp II	100m3	6,26	6,26	2.531.816	15.849.166	
13	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5T 6km tiếp theo trong phạm vi <= 5km, đất cấp II	100m3	6,26	6,26	6.858.191	42.932.278	
14	Lắp đặt ống bê tông bằng cần cẩu, đoạn ống dài 1m, đường kính 600mm	đoạn ống	20	20	794.027	15.880.536	
15	Lắp đặt khối móng bê tông đỡ đoạn ống, đường kính 600mm	cái	40	40	267.413	10.696.520	
16	Nhân công vận chuyển ống công cụ ly 200m	công	10	10	316.050	3.160.496	
	TỔNG CỘNG					294.461.536	
	TỔNG CỘNG (LÀM TRÒN)					294.400.000	

Giá trị quyết toán

Bảng số: 294.400.000 đồng.

Bảng chữ: Hai trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn

Hải Phòng, ngày 11 tháng 5 năm 2026



Giám đốc
Nguyễn Sĩ Sơn

Hải Phòng, ngày 21 tháng 05 năm 2026

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TRƯỞNG PHÒNG
Vũ Hữu Hiệp